



Mã số: 250523/1752:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT5.250523	0523/NT/U-COM-LT/1: Đầu vào HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1204101; Y = 611953)

5. Ngày lấy mẫu: 23/05/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT5.250523	
1	pH (a)(c)	--	TCVN 6492:2011	6,36	5 - 9
2	BOD ₅ (a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	286	50
3	TSS(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	72,0	100
4	COD(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	459	--
5	Dầu mỡ ĐTV(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	7,76	20
6	TDS(a)(c)	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	416	1.000
7	S ²⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
8	P_PO ₄ ³⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	3,33	10
9	N_NO ₃ ⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,90	50
10	N_NH ₄ ⁺ (a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	52,7	10
11	Chất hoạt động bề mặt(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	0,94	10
12	Coliform(d)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	13x10 ³	5.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



K.T. Giám đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP - Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250523/1753:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT6.250523	0523/NT/U-COM-LT/2: Sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1202109; Y = 611939)

5. Ngày lấy mẫu: 23/05/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT6.250523	
1	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	5,47	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	5	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	21,8	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	< 15	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1)	20
6	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	157	1.000
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
8	P _{PO₄³⁻} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	2,58	10
9	N _{NO₃⁻} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	4,03	50
10	N _{NH₄⁺} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,35	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform ^(d)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	5.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vincert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250523/1751:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Khí thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KT2.250523	0523/KT/U-COM-LT/1: Ống khói máy phát điện (Tọa độ: X = 1202061; Y = 611921)

5. Ngày lấy mẫu: 23/05/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT2.250523	
1	Bụi (a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	31,7	200
2	SO ₂ (a)(c)	mg/Nm ³	HDKT – 01	< 2,62	500
3	NO _x (a)(c)	mg/Nm ³		261	850
4	CO (a)(c)	mg/Nm ³		318	1000

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

K.T. Giám đốc



Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250523/1754:4/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 04 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KK1.250523	0523/KK/U-COM-LT/1: Khu vực kho (Tọa độ: X = 1202081; Y = 612030)
2	KK2.250523	0523/KK/U-COM-LT/2: Quầy rau củ (Tọa độ: X = 1202084; Y = 612030)
3	KK3.250523	0523/KK/U-COM-LT/3: Khu vực văn phòng (Tọa độ: X = 1202083; Y = 612026)
4	KK4.250523	0523/KK/U-COM-LT/4: Quầy thu ngân (Tọa độ: X = 1202085; Y = 612031)

5. Ngày lấy mẫu: 23/05/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN	TIÊU CHUẨN SO SÁNH
I	KK1.250523					
1	Nhiệt độ (a)(c)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,1	18 – 32	QCVN 26:2016/BYT
2	Độ ẩm (a)(c)	%		53,2	40 – 80	
3	Tốc độ gió (a)(c)	m/s	PPNB02/HDHT/REC	< 0,4	0,2 – 1,5	QCVN 22:2016/BYT
4	Ánh sáng (b)(c)	Lux	PPNB07/HDHT/REC (2021)	305	≥ 100	
5	Độ ồn (a)(c)	dBA	TCVN 7878 -2:2018	66,3	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
6	Bụi (a)	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,22	8	QCVN 02:2019/BYT
7	NO ₂ (a)	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,086	10	QCVN 03:2019/BYT
8	SO ₂ (a)	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,070	10	
9	CO (a)	mg/Nm ³	HDKK/CO/REC	5,19	40	
II	KK2.250523					
1	Nhiệt độ (a)(c)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	29,4	18 – 32	QCVN 26:2016/BYT
2	Độ ẩm (a)(c)	%		52,1	40 – 80	
3	Tốc độ gió (a)(c)	m/s	PPNB02/HDHT/REC	< 0,4	0,2 – 1,5	QCVN 22:2016/BYT
4	Ánh sáng (b)(c)	Lux	PPNB07/HDHT/REC (2021)	1.024	≥ 300	
5	Độ ồn (a)(c)	dBA	TCVN 7878 -2:2018	68,7	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT

TT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN	TIÊU CHUẨN SO SÁNH
6	Bụi (a)	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,20	8	QCVN 02:2019/BYT
7	NO ₂ (a)	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,088	10	QCVN 03:2019/BYT
8	SO ₂ (a)	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,074	10	
9	CO (a)	mg/Nm ³	HDKK/CO/REC	5,34	40	
III	KK3.250523					
1	Nhiệt độ (a)(c)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	28,4	18 – 32	QCVN 26:2016/BYT
2	Độ ẩm (a)(c)	%		47,2	40 – 80	
3	Tốc độ gió (a)(c)	m/s	PPNB02/HDHT/REC	< 0,4	0,2 – 1,5	
4	Ánh sáng (b)(c)	Lux	PPNB07/HDHT/REC (2021)	933	≥ 300	QCVN 22:2016/BYT
5	Độ ồn (a)(c)	dBA	TCVN 7878 -2:2018	67,6	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
6	Bụi (a)	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,19	8	QCVN 02:2019/BYT
7	NO ₂ (a)	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,073	10	QCVN 03:2019/BYT
8	SO ₂ (a)	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,064	10	
9	CO (a)	mg/Nm ³	HDKK/CO/REC	5,23	40	
IV	KK4.250523					
1	Nhiệt độ (a)(c)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	28,4	18 – 32	QCVN 26:2016/BYT
2	Độ ẩm (a)(c)	%		56,0	40 – 80	
3	Tốc độ gió (a)(c)	m/s	PPNB02/HDHT/REC	< 0,4	0,2 – 1,5	
4	Ánh sáng (b)(c)	Lux	PPNB07/HDHT/REC (2021)	423	≥ 300	QCVN 22:2016/BYT
5	Độ ồn (a)(c)	dBA	TCVN 7878 -2:2018	71,6	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
6	Bụi (a)	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,21	8	QCVN 02:2019/BYT
7	NO ₂ (a)	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,079	10	QCVN 03:2019/BYT
8	SO ₂ (a)	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,068	10	
9	CO (a)	mg/Nm ³	HDKK/CO/REC	5,47	40	

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm



Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám đốc

Tạ Công Uẩn

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm